

Số: 1521 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người có công với cách mạng theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Thống Nhất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Thống Nhất tại Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc hỗ trợ người có công với cách mạng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 114/TTr-LĐTBXH ngày 11 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người có công với cách mạng theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Thống Nhất gồm 364 đối tượng và tổng kinh phí là 543.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn); cụ thể:

1. Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng: 264 đối tượng, với kinh phí hỗ trợ là 394.000.000 đồng.

2. Thân nhân người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng: 98 đối tượng, với kinh phí hỗ trợ là 146.000.000 đồng.

3. Thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động hàng tháng: 02 đối tượng, với kinh phí hỗ trợ: 3.000.000 đồng.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Thống Nhất chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thống Nhất và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

pol
Nguyễn Hòa Hiệp

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19 HUYỆN THỐNG NHẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1521/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú	NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng		Trung đối tượng NCC hoặc đối tượng khác trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (ghi rõ đối tượng trùng)	Số tiền (đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
		Nam	Nữ			NCC đang hưởng TCCUD hàng tháng (ghi rõ đối tượng)	Thương bình hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I. XÃ GIA TÂN 1											
1	Nguyễn Văn Xê	1951		272177588	xã Gia Tân 1	TB từ 21-60%			1.500.000		
2	Nguyễn Hồng Tiêm	1953		160201842	xã Gia Tân 1	TB từ 21-60%			1.500.000		
3	Nguyễn Thanh Hùng	1952		270826720	xã Gia Tân 1	TB từ 21-60%			1.500.000		
4	Mạc Đăng Lịch	1949		270798170	xã Gia Tân 1	TB từ 21-60%			1.500.000		
5	Triệu Thanh Căn	1938		270621353	xã Gia Tân 1	TB từ 21-60%			1.500.000		
6	Trịnh Hữu Như	1963		270601408	xã Gia Tân 1	TB từ 21-60%			1.500.000		
7	Nguyễn Công Minh	1945		271460541	xã Gia Tân 1	TB từ 21-60%			1.500.000		
8	Phạm Văn Mão	1967		271876295	xã Gia Tân 1	TB từ 21-60%			1.500.000		
9	Nguyễn Văn Chính	1962		271413828	xã Gia Tân 1	BB từ 61-70%			1.500.000		
10	Mạc Trung Thành	1988		271858221	xã Gia Tân 1	Con bị DDDT, từ 61% đến 80%			1.500.000		
Tổng số: 10 người									15.000.000		
II. XÃ GIA TÂN 2											
11	Nguyễn Văn Doài	1948		270959149	xã Gia Tân 2	TB từ 21-60%			1.500.000		
12	Nguyễn Văn Bé	1956		272374996	xã Gia Tân 2	TB từ 21-60%			1.500.000		
13	Nguyễn Công Sỹ	1968		270784997	xã Gia Tân 2	TB từ 21-60%			1.500.000		
14	Nguyễn Thi Xém		1943	270622371	xã Gia Tân 2	Vợ (Tuổi 1 liệt sỹ)			1.500.000		

15	Đinh Thị Vui		1938	270600773	xã Gia Tân 2	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
Tổng số: 5 người										7.500.000		
III. XÃ GIA TÂN 3												
16	Phạm Xuân Thu	1940		270784507	xã Gia Tân 3	TB từ 21-60%				1.500.000		
17	Phạm Văn Thịnh	1967		270702093	xã Gia Tân 3	TB từ 21-60%				1.500.000		
18	Bùi Văn Thái	1965		270627605	xã Gia Tân 3	TB từ 21-60%				1.500.000		
19	Nguyễn Pha	1938		270702093	xã Gia Tân 3	Cha (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
20	Hồ Luật	1930		270627605	xã Gia Tân 3	Cha (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
21	Lại Thị Kim Dung		1964	270702147	xã Gia Tân 3	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
22	Đào Thị Tim		1959	272056751	xã Gia Tân 3	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
Tổng số: 7 người										10.500.000		
IV. XÃ GIA KIỂM												
23	Nguyễn Minh Kinh	1959		271957551	xã Gia Kiểm	TB từ 21-60%				1.500.000		
24	Lâm Cảnh Càn	1949		270701639	xã Gia Kiểm	TB từ 21-60%				1.500.000		
25	Đỗ Thế Phong	1966		270699991	xã Gia Kiểm	TB từ 21-60%				1.500.000		
26	Phạm Xuân Ngọc	1964		270514618	xã Gia Kiểm	TB từ 21-60%				1.500.000		
27	Nguyễn Duy Thọ	1957		271169853	xã Gia Kiểm	BB từ 71-80%				1.500.000		
28	Trương T. Tốt		1943	272090214	xã Gia Kiểm	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
29	Đào Thị Âu		1943	270613209	xã Gia Kiểm	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
30	Phạm Công Tân	1956		271677076	xã Gia Kiểm	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
31	Nguyễn Hồng Sơn	1947		270611298	xã Gia Kiểm	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
32	Phạm Minh Tuấn	1983		271532926	xã Gia Kiểm	Con bị DDDT, từ 61% đến 80%				1.500.000		
33	Nguyễn Hồng Hạnh		1983	271532473	xã Gia Kiểm	Con bị DDDT, từ 61% đến 80%				1.500.000		
Tổng số: 11 người										16.500.000		
V. XÃ QUANG TRUNG												
34	Nguyễn Tiến Sinh	1954		272363803	xã Quang Trung	TB từ 21-60%				1.500.000		
35	Hồ Công Danh	1949		271711207	xã Quang Trung	TB từ 21-60%				1.500.000		
36	Đông Xuân Chiến	1949		271070495	xã Quang Trung	TB từ 21-60%				1.500.000		
37	Vũ Đình Vinh	1952		270609816	xã Quang Trung	TB từ 21-60%				1.500.000		
38	Vũ Truy Phong	1950		271317319	xã Quang Trung	TB từ 21-60%				1.500.000		
39	Trần Thị Ngọc Mỹ		1956	271693736	xã Quang Trung	TB từ 21-60%				1.500.000		
40	Nguyễn Hồng Tuyên	1942		271841768	xã Quang Trung	TB từ 21-60%				1.500.000		
41	Nguyễn Hồng Quang	1950		272014427	xã Quang Trung	TB từ 21-60%				1.500.000		

42	Lý Việt Khoa	1948		271174223	xã Quang Trung	TB B từ 21-60%			500.000			Chết ngày 19/4/2020
43	Nguyễn Xuân Tâm	1960		272578411	xã Quang Trung	TB từ 21-60%			1.500.000			
44	Nguyễn Thành Kinh	1968		272454139	xã Quang Trung	TB từ 21-60%			1.500.000			
45	Nguyễn Văn Long	1959		270553742	xã Quang Trung	TB từ 21-60%			1.500.000			
46	Bùi Thị Hòa		1955	271672895	xã Quang Trung	BB từ 61-70%			1.500.000			
47	Trần Văn Quý	1947		270618501	xã Quang Trung	BB từ 61-70%			1.500.000			
48	Trần Thị Lan		1953	270607265	xã Quang Trung	Vợ (Tuất 1 liệt sỹ)			1.500.000			
49	Bùi Thị Nhi		1953	270616752	xã Quang Trung	Vợ (Tuất 1 liệt sỹ)			1.500.000			
50	Đỗ Văn Cường	1946		270618909	xã Quang Trung	Cha (Tuất 1 liệt sỹ)			1.500.000			
51	Bùi Thị Mai		1947	270618908	xã Quang Trung	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)			1.500.000			
52	Vũ Thị Ca		1936	270617109	xã Quang Trung	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)			1.500.000			
53	Ngô Thị Ngọt		1939	270619732	xã Quang Trung	Vợ (Tuất 1 liệt sỹ)			1.500.000			
54	Trần Thị Bảo		1934	270617904	xã Quang Trung	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)			1.500.000			
55	Nguyễn Thị Cầu		1940	270609409	xã Quang Trung	Vợ (Tuất 1 liệt sỹ)			1.500.000			
56	Phạm Thị Chàng		1936	270619519	xã Quang Trung	NCC giúp đỡ CM			1.500.000			
57	Đặng Thị Hới		1952	272177937	xã Quang Trung	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%			1.500.000			
58	Đoàn Quang Trung	1955		271162896	xã Quang Trung	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%			1.500.000			
59	Trần Bà Lộc	1946		271296175	xã Quang Trung	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%			1.500.000			
60	Trần Văn Tài	1947		270016167	xã Quang Trung	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%			1.500.000			
61	Vũ Đình Quân	1953		270609915	xã Quang Trung	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%			1.500.000			
62	Mai Văn Hiếu	1978		271287390	xã Quang Trung	Con bị DDDT, từ 61% đến 80%			1.500.000			
63	Vũ Huy Du	1981		271402718	xã Quang Trung	Con bị DDDT, từ 61% đến 80%			1.500.000			
Tổng số: 30 người									44.000.000			
VI. XÃ XUÂN THIÊN												
64	Lê Minh Đường	1947		271704829	xã Xuân Thiên	TB từ 21-60%			1.500.000			
65	Trần Văn Nho	1947		271833775	xã Xuân Thiên	TB từ 21-60%			1.500.000			
66	Trần Hùng Lâm	1940		272772220	xã Xuân Thiên	TB từ 21-60%			1.500.000			
67	Bùi Trọng Khánh	1948		270952659	xã Xuân Thiên	TB từ 21-60%			1.500.000			
68	Lê Minh Cừ	1960		271176393	xã Xuân Thiên	TB từ 21-60%			1.500.000			
69	Đào Văn Nghĩa	1962		270566240	xã Xuân Thiên	TB từ 21-60%			1.500.000			
70	Phùng Hành	1955		270852251	xã Xuân Thiên	TB từ 21-60%			1.500.000			

71	Trần Văn Trung	1954		271086199	xã Xuân Thiện	TB từ 21-60%				1.500.000		
72	Hà Văn Sét	1959		270566104	xã Xuân Thiện	TB từ 21-60%				1.500.000		
73	Ông Thi Sinh		1950	272755553	xã Xuân Thiện	TB từ 21-60%				1.500.000		
74	Ông Văn Dương	1954		270139485	xã Xuân Thiện	TB từ 21-60%				1.500.000		
75	Huỳnh Văn Sơn	1967		270669414	xã Xuân Thiện	TB từ 21-60%				1.500.000		
76	Vũ Bình Long	1964		270566103	xã Xuân Thiện	TB từ 21-60%				1.500.000		
77	Đỗ Công Dự	1947		270566666	xã Xuân Thiện	BB từ 61-70%				1.500.000		
78	Nguyễn Đình Tâm	1949		270139293	xã Xuân Thiện	BB từ 61-70%				1.500.000		
79	Phan Thị Cúc		1935	023894406	xã Xuân Thiện	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
80	Trần Thị Loan		1935	270669047	xã Xuân Thiện	Vợ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
81	Lăng Thị Xoa		1929	270669343	xã Xuân Thiện	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)				500.000		Chết ngày 14/4/2020
82	Nguyễn Thị Hanh		1918		xã Xuân Thiện	Mẹ VNAH (Tuất 2 liệt sỹ)				1.500.000		
83	Lê Thị Tâm		1953	270139986	xã Xuân Thiện	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
84	Nguyễn Thị Ngô		1945	270139630	xã Xuân Thiện	NCC giúp đỡ CM				1.500.000		
85	Trần Thị Thôi		1937	270669519	xã Xuân Thiện	NCC giúp đỡ CM				1.500.000		
86	Nguyễn Thị Mậu		1948	270952646	xã Xuân Thiện	Bị mắc bệnh từ 61% - 80%				1.500.000		
87	Lê Văn Công	1957		270952600	xã Xuân Thiện	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
88	Nguyễn Như Lộc	1941		271363622	xã Xuân Thiện	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
89	Bùi Thị Thắm		1986	271631687	xã Xuân Thiện	Con bị DDDT, từ 61% đến 80%				1.500.000		
90	Lê Ngọc Trung		1983	271876979	xã Xuân Thiện	Con bị DDDT, từ 81% trở lên				1.500.000		
91	Nguyễn Đình Thanh	1981		Không có	xã Xuân Thiện	Con bị DDDT, từ 81% trở lên				1.500.000		
92	Phạm Thị Nga		1950	271876950	xã Xuân Thiện	Người HDCCM bị dịch bắt tù, đầy				1.500.000		
Tổng số: 29 người										42.500.000		
VII. XÃ BẦU HÀM 2												
93	Phạm Trung Kiên	1948		272442982	xã Bầu Hàm 2	TB từ 21-60%				1.500.000		
94	Nguyễn Hữu Tinh	1962		260400126	xã Bầu Hàm 2	TB từ 21-60%				1.500.000		
95	Phan Thị Lý		1945	270578025	xã Bầu Hàm 2	TB từ 21-60%				1.500.000		
96	Đoàn Văn Cường	1948		272278120	xã Bầu Hàm 2	TB từ 21-60%				1.500.000		
97	Lê Thị Quế		1958	271557119	xã Bầu Hàm 2	TB từ 21-60%				1.500.000		

98	Nguyễn Ngọc Minh	1948		271764749	xã Bàu Hàm 2	TB từ 21-60%		1.500.000		
99	Phạm Văn Long	1967		270263156	xã Bàu Hàm 2	TB từ 21-60%		1.500.000		
100	Hà Văn Thanh	1962		272323062	xã Bàu Hàm 2	TB từ 21-60%		1.500.000		
101	Nguyễn Phi Long	1953		271937791	xã Bàu Hàm 2	TB từ 21-60%		1.500.000		
102	Âu Văn Tư	1954		270734751	xã Bàu Hàm 2	TB từ 21-60%		1.500.000		
103	Trần Ngọc Hòa	1937		270577823	xã Bàu Hàm 2	TB từ 21-60%		1.500.000		
104	Nguyễn Thanh Hồng	1967		270797355	xã Bàu Hàm 2	TB từ 21-60%		1.500.000		
105	Lý Thị Đới		1944	272643804	xã Bàu Hàm 2	BB từ 61-70%		1.500.000		
106	Lý A Sáng	1947		270577212	xã Bàu Hàm 2	BB từ 61-70%		1.500.000		
107	Nguyễn Thị Tý		1942	270577820	xã Bàu Hàm 2	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)		1.500.000		
108	Nguyễn Thị Kha		1933	270617216	xã Bàu Hàm 2	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)		1.500.000		
109	Lê Thị Hoa		1932	271735229	xã Bàu Hàm 2	Vợ (Tuất 1 liệt sỹ)		1.500.000		
110	Huỳnh Khâm	1932		270577241	xã Bàu Hàm 2	Cha (Tuất 2 liệt sỹ)		1.500.000		
111	Đỗ Thị Bảy		1951	270967470	xã Bàu Hàm 2	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%		1.500.000		
112	Nguyễn Thành Đô	1954		271681979	xã Bàu Hàm 2	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%		1.500.000		
113	Nguyễn Thanh Sang	1981		271522990	xã Bàu Hàm 2	Con bị DDDT, từ 81% trở lên		1.500.000		
114	Nguyễn Thị Hiền		1948	270578080	xã Bàu Hàm 2	Người HDCC bị dịch bắt tù, đây		1.500.000		
Tổng số: 22 người								33.000.000		
VIII. Xã LỘ 25										
115	Phạm Văn Sờ	1952		270761277	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
116	Vũ Minh Huân	1945		271647999	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
117	Phạm Văn Tăng	1944		270995568	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
118	Nguyễn Văn Truy	1940		272124749	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
119	Nguyễn Viết Hánh	1964		272374420	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
120	Nguyễn Thị Tâm		1935	250174249	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
121	Bùi Văn Huy	1964		271693915	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
122	Lê Tấn Loan	1944		271796356	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
123	Lưu Quang Thắng	1948		271536946	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
124	Mai Ngọc Ánh	1957		272125527	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
125	Vũ Quốc Hân	1940		270800227	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
126	Phạm Văn Bằng	1955		270922636	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
127	Đào Duy Lạch	1948		271432530	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		
128	Nguyễn Văn Đình	1949		270801347	Xã LỘ 25	TB từ 21-60%		1.500.000		

129	Huỳnh Thị Ten		1945	270646487	Xã Lô 25	TB từ 21-60%				1.500.000		
130	Đoàn Bá Đa	1946		271839902	Xã Lô 25	TB từ 21-60%				1.500.000		
131	Trần Xuân Đường	1955		271561063	Xã Lô 25	TB từ 21-60%				1.500.000		
132	Trần Văn Quý	1956		271876262	Xã Lô 25	TB từ 21-60%				1.500.000		
133	Bế Ngọc Khuẩn	1960		272454350	Xã Lô 25	TB từ 21-60%				1.500.000		
134	Nguyễn Việt Thuận	1947		272096307	Xã Lô 25	TB từ 21-60%	BHXXH			1.500.000		
135	Huỳnh Bàn	1958		271881870	Xã Lô 25	TB từ 21-60%				1.500.000		
136	Hoàng Văn Vượng	1953		272125201	Xã Lô 25	TB từ 21-60%				1.500.000		
137	Huỳnh Ngọc Lạp	1952		272096131	Xã Lô 25	TB từ 21-60%				1.500.000		
138	Trần Quang Cảnh	1945		271289981	Xã Lô 25	BB từ 61-70%				1.500.000		
139	Đoàn Văn Huỳnh	1960		272643656	Xã Lô 25	BB từ 61-70%				1.500.000		
140	Nguyễn Huy Thiệu	1955		271226346	Xã Lô 25	BB từ 61-70%				1.500.000		
141	Ngân Văn Bất	1955		270169111	Xã Lô 25	BB từ 61-70%				1.500.000		
142	Nguyễn Ngọc Hòa	1955		272374939	Xã Lô 25	BB từ 61-70%				1.500.000		
143	Trần Quang Long	1938		272374939	Xã Lô 25	BB từ 61-70%				1.500.000		
144	Đỗ Trung Kiên	1953		271169721	Xã Lô 25	BB từ 61-70%				1.500.000		
145	Nguyễn Huy Thúc	1947		270903374	Xã Lô 25	BB từ 61-70%				1.500.000		
146	Vũ Văn Long	1964		270903350	Xã Lô 25	BB từ 81% trở lên				1.500.000		
147	Mai Ngọc Cảnh	1955		271169650	Xã Lô 25	BB từ 81% trở lên				1.500.000		
148	Nguyễn Thị Mười		1943	272385109	Xã Lô 25	Vợ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
149	Nguyễn Thị Tuất		1921	160974736	Xã Lô 25	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
150	Nguyễn Thị Phú		1943	270643778	Xã Lô 25	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
151	Bùi Thị Phấn		1940	271682883	Xã Lô 25	Vợ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
152	Bùi Thị Cựu		1923	150312056	Xã Lô 25	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
153	Nguyễn Thị Toát		1932	360758778	Xã Lô 25	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
154	Dy Thị Lìn		1929	272096534	Xã Lô 25	Mẹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
155	Nguyễn Văn Bằng	1931		270607703	Xã Lô 25	Cha (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
156	Lã Thị Chung		1956	271884204	xã Lô 25	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
157	Lê Thị Nhung		1952	272748130	xã Lô 25	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
158	Đặng Quốc Khánh	1945		274331632	Xã Lô 25	Bị mắc bệnh từ 61% - 80%				1.500.000		
159	Nguyễn Thị Miến		1951	272644145	Xã Lô 25	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
160	Lê Trung Diệp	1955		270761178	Xã Lô 25	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
161	Ngô Gia Sư	1952		271693395	Xã Lô 25	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
162	Lê Văn Giáo	1933		270643187	Xã Lô 25	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
163	Nguyễn Văn Phó	1952		272041782	Xã Lô 25	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		

164	Nguyễn Văn Tuấn	1972	271537303	Xã Lộ 25	Con bị DDDT, từ 61% đến 80%	1.500.000		
165	Nguyễn Đức Long	1988	271682545	Xã Lộ 25	Con bị DDDT, từ 81% trở lên	1.500.000		
166	Nguyễn Đức Sơn	1984	271796213	Xã Lộ 25	Con bị DDDT, từ 81% trở lên	1.500.000		
167	Hoàng Văn Tân	1975	271226299	Xã Lộ 25	Con bị DDDT, từ 81% trở lên	1.500.000		
168	Hoàng Văn Tiến	1975	271226298	Xã Lộ 25	Con bị DDDT, từ 81% trở lên	1.500.000		
169	Nguyễn Minh Tâm	1990	Khong co	Xã Lộ 25	Con bị DDDT, từ 81% trở lên	1.500.000		
170	Lê Văn Phương	1978	Khong co	Xã Lộ 25	Con bị DDDT, từ 81% trở lên	1.500.000		
Tổng số: 56 người						84.000.000		
IX. XÃ HƯNG LỘC								
171	Lê Văn Thường	1962	270923919	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
172	Nguyễn Trường Cùn	1949	150524640	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
173	Trần Duy Thế	1953	271797432	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
174	Dương Thị Thành	1955	270699040	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
175	Nguyễn Văn Nhiều	1939	270016272	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
176	Tô Tiến Thống	1956		xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
177	Nguyễn Thế Thạch	1955	270699089	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
178	Võ Thị Thu	1952	271756630	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
179	Nguyễn Thành Tâm	1938	270606398	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
180	Lâm Thành Quốc	1942	271316512	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
181	Chu Văn Sơn	1973	271082151	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
182	Nguyễn Thanh Tiêm	1952		xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
183	Nguyễn Văn Cho	1955	271566626	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
184	Nguyễn Văn Thôn	1946	271765852	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
185	Nguyễn Bá Út	1954	270722456	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
186	Hồ Chí Văn	1946		xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
187	Ngô Hữu Hiệp	1958	272007059	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
188	Trần Thị Sáu	1942	270605432	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
189	Trần Thị Tría	1952		xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
190	Bùi Thị Được	1947	270603878	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
191	Trần Thị Tuyết Vân	1951	270606301	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
192	Nguyễn Mạnh Đàm	1956	271693840	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		
193	Lê Thị Phi	1945	270606163	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	1.500.000		

194	Lê Ngọc Khâm	1938		270606377	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
195	Trần Thị Lan		1953	270091898	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
196	Lê Xuân Láng	1947			xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
197	Phạm Văn Xuồng	1929			xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
198	Phạm Hữu Phúc	1954			xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
199	Bùi Ngọc Duê	1944			xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
200	Đỗ Chơn Phước	1945		271589675	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
201	Trần Thị Lùng		1950	320319343	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
202	Phạm Thị Cúc		1950	270605302	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
203	Đặng Văn Bành	1957		270606324	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
204	Nguyễn Văn Trì	1931			xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
205	Nguyễn Ngọc Hà	1948			xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
206	Trần Văn Út	1941			xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
207	Hoàng Văn Long	1959		271806865	xã Hưng Lộc	TB B từ 21-60%			1.500.000		
208	Nguyễn Tường Tài	1948			xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%	BHXXH		1.500.000		
209	Trần Văn Cừ	1965		270603734	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
210	Phạm Quang Sự	1949		270605297	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
211	Võ Văn Phước	1951		270552646	xã Hưng Lộc	TB từ 21-60%			1.500.000		
212	Trần Công Tác	1955		272761521	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
213	Phạm Thị Lan		1936		xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
214	Vũ Ngọc Hà	1944			xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
215	Nguyễn Văn Danh	1957			xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
216	Vũ Văn Đại	1948		370383802	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
217	Nguyễn Đức Hải	1956		271718429	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
218	Nguyễn Văn Sang	1941		270722473	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
219	Lê Thị Kinh		1941	271286078	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
220	Trần Văn Bót	1948			xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
221	Trần Thị Tinh		1950		xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
222	Nguyễn Thị Lai		1944	171986719	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
223	Nguyễn Thị Nàn		1947	271631911	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
224	Nguyễn Xuân Tiến	1944		270722639	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
225	Hà Huy Quảng	1944		271646366	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
226	Nguyễn Thị Châu		1943		xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
227	Lê Văn Hưng	1948		270603950	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
228	Nguyễn Thị Lý		1941	270605053	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		
229	Triệu Quang Sầu	1953		270385454	xã Hưng Lộc	BB từ 61-70%			1.500.000		

230	Nguyễn Văn Đức	1947	270699041	xã Hưng Lộc	BB từ 61 -70%			1.500.000		
231	Lê Minh Trung	1950	270604814	xã Hưng Lộc	BB từ 61 -70%			1.500.000		
232	Phạm Công Bắc	1947	270958814	xã Hưng Lộc	BB từ 61 -70%			1.500.000		
233	Nguyễn Thanh Xuân	1946	270606216	xã Hưng Lộc	BB từ 61 -70%			1.500.000		
234	Nguyễn Mạnh Dũng	1953		xã Hưng Lộc	BB từ 61 -70%			1.500.000		
235	Nguyễn Văn Nhiều	1939		xã Hưng Lộc	BB từ 61 -70%			1.500.000		
236	Lê Văn Nhiều	1936		xã Hưng Lộc	BB từ 61 -70%			1.500.000		
237	Trần Huỳnh Soan	1936	270606399	xã Hưng Lộc	BB từ 61 -70%			1.500.000		
238	Phạm Ngọc Sư	1945	272125561	xã Hưng Lộc	BB từ 61 -70%			1.500.000		
239	Đỗ Bá Trụ	1947	270606406	xã Hưng Lộc	BB từ 81% trở lên			1.500.000		
240	Phạm Thế Bê	1946		xã Hưng Lộc	BB từ 41 -50%			1.500.000		
241	Nguyễn Văn Kha	1959		xã Hưng Lộc	BB từ 41 -50%			1.500.000		
242	Nguyễn Hữu Vát	1950		xã Hưng Lộc	BB từ 51 -60%			1.500.000		
243	Phan Thị Phien			xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
244	Nguyễn Thị Hải	1931	270795869	xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
245	Lê Thị Huân	1933	270605086	xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
246	Vương Thị Phúc	1937	272442967	xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
247	Nguyễn Thị Sáu	1937	270604912	xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
248	Nguyễn Thành Tụu	1936		xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
249	Nguyễn Thị Phien	1931	140615048	xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
250	Phạm Thị Đập	1957	271995279	xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
251	Nguyễn Thị Trong	1934	300128735	xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
252	Trần Văn Minh	1933	270606202	xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
253	Dương Thị Lươn	1934	272606248	xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
254	Trần Thị Phụng	1929	270604573	xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
255	Trần Thị Minh	1944		xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
256	Nguyễn Thị Dén	1927		xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
257	Trần Thị Hoa	1925		xã Hưng Lộc	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000		
258	Nguyễn Thị Nguyễn	1930		xã Hưng Lộc	MVNAH (Tuất 02 liệt sỹ)			1.500.000		
259	Nguyễn Thị Hào	1920		xã Hưng Lộc	MVNAH (Tuất 03 liệt sỹ)			1.500.000		
260	Huỳnh Thị Luc	1922		xã Hưng Lộc	MVNAH (Tuất 02 liệt sỹ)			1.500.000		
261	Nguyễn Thị Ngọc Ngà	2002		xã Hưng Lộc	Tuất BB từ 61%			1.500.000		
262	Nguyễn Thị Mai	1958		xã Hưng Lộc	Tuất BB từ 61%			1.500.000		

263	Võ Thị Nguyệt		1957	270606153	xã Hưng Lộc	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
264	Cao Văn Bé	1941		272177475	xã Hưng Lộc	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
265	Nguyễn Thị Băng Tâm		1958	271414189	xã Hưng Lộc	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
266	Trình Thị Hoa		1950		xã Hưng Lộc	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
267	Ngô Thị Bảy		1935		xã Hưng Lộc	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
268	Ta Thị Tinh		1952		xã Hưng Lộc	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
269	Nguyễn Thị Thâu		1944	272363589	xã Hưng Lộc	Tuất TB, TB B từ 61%				1.500.000		
270	Nguyễn Thị A		1941	271765870	xã Hưng Lộc	NCC giúp đỡ CM				1.500.000		
271	Lê Thanh Cẩn	1933		270604985	xã Hưng Lộc	NCC giúp đỡ CM				1.500.000		
272	Nguyễn Thị Khéo		1932	280265084	xã Hưng Lộc	NCC giúp đỡ CM				1.500.000		
273	Nguyễn Minh Hoat	1947		270735731	xã Hưng Lộc	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
274	Đinh Văn Phong	1949		272323789	xã Hưng Lộc	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
275	Vũ Thị Ngọc Liên		1957	270805866	xã Hưng Lộc	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
276	Lê Văn Hưng	1930		271135877	xã Hưng Lộc	Bị mắc bệnh từ 81% - 100%				1.500.000		
277	Đinh Thị Là		1977	271355577	xã Hưng Lộc	Con bị DDDT, từ 61% đến 80%				1.500.000		
278	Vũ Hồng Phong	1971		272285042	xã Hưng Lộc	Con bị DDDT, từ 61% đến 80%				1.500.000		
279	Nguyễn Thị Hải Yến		1972		xã Hưng Lộc	Con bị DDDT, từ 81% trở lên				1.500.000		
280	La Quý Bảo	1974			xã Hưng Lộc	Con bị DDDT, từ 81% trở lên				1.500.000		
281	Nguyễn Thị Hương		1952	272278160	xã Hưng Lộc	Người HDCCM bị dịch bắt tù, dày				1.500.000		
282	Dương Văn Phúc		1959	270605658	xã Hưng Lộc	Người HDCCM bị dịch bắt tù, dày				1.500.000		
283	Nguyễn Thị Mạnh		1943	270693985	xã Hưng Lộc	Người HDCCM bị dịch bắt tù, dày				1.500.000		
284	Đặng Thị Anh		1938	270432928	xã Hưng Lộc	Người HDCCM bị dịch bắt tù, dày				1.500.000		
285	Nguyễn Thị Liên		1942	270958691	xã Hưng Lộc	Người HDCCM bị dịch bắt tù, dày				1.500.000		
286	Nguyễn Thị Minh Châu		1942	272578057	xã Hưng Lộc	Người HDCCM bị dịch bắt tù, dày				1.500.000		

321	Nguyễn Văn Tài	1938		272579565	TT Dầu Giấy	TB từ 21-60%				1.500.000		
322	Nguyễn Lạc	1931		272096370	TT Dầu Giấy	TB từ 21-60%				1.500.000		
323	Nguyễn Quang Đạo	1951		270826748	TT Dầu Giấy	TB từ 21-60%				1.500.000		
324	Nguyễn Quốc Khánh	1953		270656219	TT Dầu Giấy	TB từ 21-60%				1.500.000		
325	Nguyễn Ngọc Tư	1932		271866804	TT Dầu Giấy	NCC giúp đỡ CM				500.000		
326	Trần Hữu Dê	1950		272755854	TT Dầu Giấy	TB từ 21-60%				1.500.000		Chết ngày 23/4/2020
327	Lai Quốc Việt	1948		271718153	TT Dầu Giấy	TB từ 21-60%				1.500.000		
328	Nguyễn Thị Hoa	1940		272090828	TT Dầu Giấy	TB từ 21-60%				1.500.000		
329	Phan Thị Oanh		1946	272214704	TT Dầu Giấy	BB từ 61-70%				1.500.000		
330	Trần Thị Biêng (biển)		1945	270722479	TT Dầu Giấy	BB từ 61-70%				1.500.000		
331	Huỳnh Thị Hoa		1945	272056163	TT Dầu Giấy	BB từ 61-70%				1.500.000		
332	Phạm Thị Mai		1949	270170153	TT Dầu Giấy	BB từ 61-70%				1.500.000		
333	Tạ Xuân Lịch	1939			TT Dầu Giấy	BB từ 61-70%				1.500.000		
334	Nguyễn Văn Vinh	1940		270734921	TT Dầu Giấy	BB từ 61-70%				1.500.000		
335	Nguyễn Hoài Nhân	1945			TT Dầu Giấy	BB từ 61-70%				1.500.000		
336	Trịnh Bá Khanh	1949		271125609	TT Dầu Giấy	BB từ 61-70%				1.500.000		
337	Phạm Hồng Thái	1948		270808474	TT Dầu Giấy	BB từ 81% trở lên				1.500.000		
338	Nguyễn Ngọc Sinh	1943		272374870	TT Dầu Giấy	BB từ 41-50%				1.500.000		
339	Trần Thị Ngọc Anh		1927		TT Dầu Giấy	Vợ, (Mẹ) Tuất 02 liệt sỹ				1.500.000		
340	Nguyễn Văn Lợi	1951		272056790	TT Dầu Giấy	Con liệt sỹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
341	Tạ Thị Ngọc		1945	270652742	TT Dầu Giấy	Vợ liệt sỹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
342	Bùi Thị Mơn		1923	270577099	TT Dầu Giấy	Chị liệt sỹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
343	Hoàng Thị Em		1933	270170575	TT Dầu Giấy	Vợ liệt sỹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
344	Võ Thị Mai		1959		TT Dầu Giấy	Con liệt sỹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
345	Trần Thị Thiệt		1930	272124893	TT Dầu Giấy	Vợ liệt sỹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
346	Nguyễn Thị Diệu		1936		TT Dầu Giấy	Tuất 1 liệt sỹ				1.500.000		
347	Trần Thị Tư		1936	270579156	TT Dầu Giấy	Mẹ liệt sỹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
348	Hoàng Thị Miên		1933		TT Dầu Giấy	Mẹ liệt sỹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		
349	Đào Thị Liễu		1935	270578878	TT Dầu Giấy	Chị liệt sỹ (Tuất 1 liệt sỹ)				1.500.000		

350	Nguyễn Thị Ba	1924	270577193	TT Dầu Giấy	Vợ liệt sỹ (Tuất 1 liệt sỹ (ND))				1.500.000		
351	Trần Thị Hà	1952		TT Dầu Giấy	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
352	Chung Thị Hương	1945		TT Dầu Giấy	Tuất TB, TB B từ 61%				1.500.000		
353	Trần Thị Ôn	1948		TT Dầu Giấy	Tuất TB, TB B từ 61%				1.500.000		
354	Nguyễn Thị Ngọc		270657462	TT Dầu Giấy	Tuất BB từ 61%				1.500.000		
355	Thái Thị Tường	1950	183330207	TT Dầu Giấy	Tuất TB trên 61%				1.500.000		
356	Nguyễn Đức Tim	1949	272374947	TT Dầu Giấy	Bị mắc bệnh từ 41% - 60%				1.500.000		
357	Trần Văn Dương	1956	271439170	TT Dầu Giấy	Bị mắc bệnh từ 81% - 100%				1.500.000		
358	Lê Tiến Lưu	1949	270539259	TT Dầu Giấy	Bị mắc bệnh từ 81% - 100%				1.500.000		
359	Nguyễn Thái Học	1949	271682019	TT Dầu Giấy	Bị mắc bệnh từ 81% - 100%				1.500.000		
360	Trần Thị Mỹ Duyên	1998		TT Dầu Giấy	Con bị DDDT, từ 61% đến 80%				1.500.000		
361	Lê Tiến Luân	1988		TT Dầu Giấy	Con bị DDDT, từ 81% trở lên				1.500.000		
362	Nguyễn Quốc Tuấn	1989		TT Dầu Giấy	Con bị DDDT, từ 81% trở lên				1.500.000		
363	Phạm Huỳnh Minh Thu	1978		TT Dầu Giấy	Con bị DDDT, từ 81% trở lên				1.500.000		
364	Hồ Thị Sắc	1943		TT Dầu Giấy	Người HDCCM bị dịch bắt tù, dày				1.500.000		
Tổng số: 79 người									116.000.000		

Tổng cộng: Số người hỗ trợ: 364 người; số tiền: 543.000.000 đồng; bằng chữ: Năm trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn./.

KT: CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hòa Hiệp